

BÁO CÁO GIỮA KỲ
Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông
trình độ Đại học

Thực hiện quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; căn cứ vào báo cáo đánh giá ngoài và Nghị quyết số 100/NQ-HĐKĐCL ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Điện lực báo cáo giữa kỳ chương trình đào tạo Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Sứ mạng:

Trường Đại học Điện lực là cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng đa ngành về lĩnh vực về công nghệ kỹ thuật và kinh tế, trong đó ưu tiên lĩnh vực năng lượng; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ tăng trưởng và hội nhập, góp phần xây dựng đất nước công nghiệp theo hướng hiện đại

2. Tầm nhìn:

Đến năm 2035, trở thành trường đại học đa ngành định hướng nghiên cứu ứng dụng và đổi mới sáng tạo, tự chủ bền vững, dẫn đầu ngành Công thương trong một số lĩnh vực năng lượng và kỹ thuật công nghiệp hiện đại; chỉ số xếp hạng và năng lực cạnh tranh thuộc nhóm 100 đại học Đông Nam Á.

Đến năm 2045, trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo có chỉ số xếp hạng và năng lực cạnh tranh thuộc nhóm 100 Châu Á.

3. Mục tiêu:

Trở thành trường đại học đa ngành định hướng nghiên cứu ứng dụng và đổi mới sáng tạo, tự chủ bền vững, có uy tín hàng đầu trong nước và khu vực Đông Nam Á; trung tâm xuất sắc về công nghệ và kỹ thuật năng lượng; kiến tạo động lực phát triển

mới cho ngành Công Thương và đất nước thông qua đào tạo nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, nghiên cứu và chuyên giao trí thức, gắn kết và phục vụ cộng đồng.

4. Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng:

a) Của Trường Đại học Điện lực:

Mục tiêu:

Công bố công khai quan điểm chất lượng giáo dục, những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động bảo đảm chất lượng và cam kết chất lượng đối với các bên liên quan.

Đảm bảo tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc trường Đại học Điện lực có nhận thức đúng và thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động đúng như cam kết của Nhà trường.

Quan điểm về chất lượng giáo dục:

Chất lượng giáo dục là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của Nhà trường và yêu cầu của Luật Giáo dục đại học; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế xã hội và hội nhập; bảo đảm chất lượng giáo dục là nền tảng để thực hiện tự chủ, là cơ sở giải trình với các bên liên quan.

Nội dung chính:

- Tất cả các hoạt động của Trường Đại học Điện lực được định hướng và triển khai nhằm thực hiện Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục mà Trường đã công bố.
- Xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của Trường Đại học Điện lực.
- Duy trì thường xuyên hoạt động tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học tại các Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín ở trong và ngoài nước; tham gia các bảng xếp hạng nhằm xác lập vị thế, uy tín của Nhà trường và chương trình đào tạo.
- Quan tâm duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và cơ sở dịch

vụ khác đáp ứng các yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng;

- Xây dựng chương trình đào tạo đa dạng, phù hợp, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và khu vực. Chương trình đào tạo được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến theo quy định, nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển của khoa học kỹ thuật, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng lao động.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, cụ thể: Xây dựng công cụ giám sát tiến trình học tập của người học, tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp và có việc làm; xây dựng, hoàn thiện công cụ đánh giá cán bộ, viên chức, người học, học phần và chương trình học; đánh giá kết quả phản hồi từ thị trường lao động và cựu người học; đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng, hoàn thiện các quy trình bảo đảm chất lượng đánh giá người học, đội ngũ, cơ sở vật chất và hỗ trợ người học;

- Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến chất lượng, tăng cường kết nối doanh nghiệp;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, có trách nhiệm và tâm huyết với nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc;

- Thực hiện tự đánh giá Nhà trường, chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và quốc tế nhằm đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục;

Hàng năm, Nhà trường giao phòng KT&ĐBCL đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra giám sát các hoạt động đảm bảo chất lượng. Định kỳ các hoạt động được lên kế hoạch thực hiện và tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm và phương hướng hoạt động cho thời gian tiếp theo.

b) Cửa khoa Điện tử - Viễn thông:

Khoa Điện tử- Viễn thông (ĐTVT) không ngừng hoàn thiện công tác đào tạo thông qua việc xây dựng chương trình gắn với nhu cầu thực tiễn của ngành CNKT Điện tử- Viễn thông, áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, và định kỳ đánh giá, cải tiến chương trình theo chuẩn kiểm định chất lượng. Đội ngũ GV được tuyển chọn kỹ lưỡng, có chuyên môn vững vàng, luôn được khuyến khích nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ. Khoa chú trọng hỗ trợ người học thông qua các dịch vụ học tập, phát triển kỹ năng, tăng cường thực hành – thực tập và định hướng nghề nghiệp. Cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, với các phòng học, phòng thực hành đạt chuẩn, cùng việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm tạo ra môi trường học tập an toàn, thân thiện. Hoạt động hợp tác và hội nhập được thúc đẩy mạnh mẽ thông

qua việc phối hợp với FPT Telecom, FPT Semi; VNPT Technology, BKACad, ITPlus; Công ty cổ phần Entex; Trung tâm bán dẫn Viettel; Công ty Dophine Technology Vietnam; Công ty CoAsia Vietnam và các đối tác trong – ngoài nước để triển khai các chương trình đào tạo và Nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, Khoa tích cực tổ chức các hoạt động cộng đồng, tư vấn sinh viên (SV). Mọi hoạt động đào tạo và quản lý đều được cải tiến liên tục dựa trên cơ sở đánh giá định kỳ và phản hồi từ người học, GV và các bên liên quan.

Trong thời gian qua, Khoa Điện tử- Viễn thông (ĐT VT) luôn chú trọng thực hiện công tác bảo đảm chất lượng theo đúng quy định và hướng dẫn của Nhà trường, nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của ngành CNKT Điện tử-Viễn thông. Khoa triển khai các hoạt động chuyên môn bám sát CTĐT do Nhà trường ban hành, trong đó việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện định kỳ theo kế hoạch chung và quy trình do Nhà trường quy định. Trong quá trình thực hiện, Khoa tích cực phối hợp với các phòng ban chức năng và tham gia góp ý thông qua các tổ chuyên môn, hội đồng tư vấn, từ đó phản ánh thực tiễn giảng dạy và nhu cầu của người học. Các nội dung liên quan đến học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra – đánh giá đều được Khoa tổ chức thực hiện theo đúng cấu trúc chương trình, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với xu hướng đào tạo và yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực Điện tử- Viễn thông.

Quy trình rà soát CTĐT của Khoa gồm các bước: (1) thu thập dữ liệu đầu vào từ khảo sát ý kiến các bên liên quan; (2) tổ chức các cuộc họp chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình hiện hành; (3) xây dựng đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung, trình Hội đồng thẩm định cấp Khoa; (4) sau khi được thông qua ở cấp Khoa, chương trình sẽ được trình Hội đồng thẩm định cấp Trường xem xét và thẩm định; (5) Sau khi Hội đồng thẩm định cấp Trường đã thông qua sẽ trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành CTĐT đã được cập nhật. Toàn bộ quá trình đều được lập biên bản, lưu trữ hồ sơ và công bố công khai để đảm bảo tính minh bạch và tra cứu khi cần thiết. Nhờ thực hiện quy trình này một cách bài bản, các CTĐT của Khoa, đặc biệt là ngành CNKT Điện tử-Viễn thông, ngày càng tiệm cận hơn với thực tiễn nghề nghiệp và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Bên cạnh cập nhật chương trình, Khoa cũng tăng cường giám sát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ người học. Giảng viên được bồi dưỡng định kỳ về phương pháp sư phạm, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật dạy học tích cực. Việc đánh giá học phần được thực hiện theo đúng quy định, có đối sánh giữa các lớp học, có phúc khảo bài thi nếu Sinh viên yêu cầu. Hoạt động khảo sát ý kiến người học sau mỗi lần hiệu chỉnh CTĐT thực hiện trực tuyến, kết quả được tổng hợp và phản hồi về khoa, Giảng

viên để làm cơ sở điều chỉnh nội dung giảng dạy và nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo. Qua đó, Khoa Điện tử- Viễn thông từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường và yêu cầu của xã hội.

II. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thời điểm được công nhận: 26 tháng 8 năm 2022
2. Tên tổ chức Kiểm định chất lượng giáo dục: Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN
3. Kết quả chung việc thực hiện đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng:

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | | | Ghi chú <i>(Đối với tiêu chí sau khi cải tiến chất lượng có thay đổi kết quả so với ĐGN: nêu vẫn tất lý do)</i> |
|-------------------------|-------------------|-----|---|--|
| | TĐG | ĐGN | CSGD tự xác định kết quả đạt được sau khi thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng (tính đến thời điểm báo cáo) | |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 1.2 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 1.3 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 2.2 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 2.3 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 3.2 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 3.3 | 5 | 3 | 4 | Chương trình đã được cải tiến cập nhật năm 2023 |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 4.2 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 4.3 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | 4 | 4 | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | | | Ghi chú <i>(Đối với tiêu chí sau khi cải tiến chất lượng có thay đổi kết quả so với ĐGN: nêu vắn tắt lý do)</i> |
|-------------------------|-------------------|-----|--|--|
| | TĐG | ĐGN | CSGD tự xác định kết quả đạt được sau khi thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng <i>(tính đến thời điểm báo cáo)</i> | |
| Tiêu chí 5.3 | 4 | 3 | 4 | Đã sửa đổi quy chế tổ chức thi, quy định về đánh giá ngân hàng đề thi, xây dựng ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 6 | | | | |
| Tiêu chí 6.1 | 4 | 5 | 5 | |
| Tiêu chí 6.2 | 5 | 3 | 4 | Tỷ lệ GV/ Người học được đo đếm, cải tiến đáp ứng quy định và đáp ứng yêu cầu của chuẩn cơ sở giáo dục |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 6.4 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 6.7 | 4 | 5 | 5 | |
| Tiêu chuẩn 7 | | | | |
| Tiêu chí 7.1 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 7.2 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 7.3 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 7.4 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 7.5 | 4 | 3 | 4 | Đã xây dựng hệ thống quản trị tập trung để đánh giá khách quan chất lượng công việc |
| Tiêu chuẩn 8 | | | | |
| Tiêu chí 8.1 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 8.2 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 8.3 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 8.4 | 4 | 4 | 4 | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | | | Ghi chú <i>(Đối với tiêu chí sau khi cải tiến chất lượng có thay đổi kết quả so với ĐGN: nêu vắn tắt lý do)</i> |
|-------------------------|-------------------|-----|---|---|
| | TĐG | ĐGN | CSGD tự xác định kết quả đạt được sau khi thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng (tính đến thời điểm báo cáo) | |
| Tiêu chí 8.5 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 9 | | | | |
| Tiêu chí 9.1 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 9.2 | 4 | 3 | 4 | Thư viện đã cải tổ và đầu tư lớn, đánh giá của đoàn kiểm định Trường đã đạt chuẩn. |
| Tiêu chí 9.3 | 5 | 3 | 4 | Được trang bị lớn trong thời gian qua, trang bị một số phòng thí nghiệm thực hành hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập |
| Tiêu chí 9.4 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 9.5 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 10 | | | | |
| Tiêu chí 10.1 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 10.2 | 4 | 3 | 4 | Đã ban hành nhiều quy định và các hoạt động bồi dưỡng đào tạo về phát triển CTĐT |
| Tiêu chí 10.3 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 10.4 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 10.5 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 10.6 | 4 | 4 | 4 | |
| Tiêu chuẩn 11 | | | | |
| Tiêu chí 11.1 | 4 | 3 | 4 | Tỷ lệ người học tốt nghiệp đã được định kỳ rà soát và có các giải pháp thúc đẩy có hiệu quả thực tế. |
| Tiêu chí 11.2 | 5 | 4 | 4 | |
| Tiêu chí 11.3 | 5 | 4 | 4 | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | | | Ghi chú <i>(Đối với tiêu chí sau khi cải tiến chất lượng có thay đổi kết quả so với ĐGN: nêu văn tắt lý do)</i> |
|-------------------------|-------------------|-----|---|--|
| | TĐG | ĐGN | CSGD tự xác định kết quả đạt được sau khi thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng (tính đến thời điểm báo cáo) | |
| Tiêu chí 11.4 | 4 | 3 | 4 | Hoạt động NCKH SV được tổ chức bài bản và thu kết quả thực tế |
| Tiêu chí 11.5 | 4 | 4 | 4 | |
| Đánh giá chung CTĐT | Số tiêu chí đạt | 50 | 41 | |
| | Tỉ lệ % | 100 | 82% | |

4. Kết quả cải tiến chất lượng theo từng tiêu chí (Theo phụ lục đính kèm)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không

Nơi nhận:

- Cục QLCL (đề b/c);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



*Đinh Văn Châu

KẾT QUẢ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG THEO TỪNG TIÊU CHÍ

(Kèm theo Báo cáo số 56/BC-ĐHDL ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực)

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|--|---|--|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT | | | | | | | |
| Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại | Đạt, 4; | Tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT nhằm thể hiện được định hướng của CTĐT, đáp ứng tốt hơn tầm nhìn của Trường “trở thành trường đại học hàng đầu trong nước về lĩnh vực năng lượng, đạt đẳng cấp quốc tế vào năm 2030”; | Đã tổ chức rà soát mục tiêu của CTĐT trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2023. MCGK.01 | Tiếp tục thực hiện xây dựng triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Khoa | Khoa | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên | Đạt, 4; | Diễn đạt lại chuẩn đầu ra của CTĐT súc tích, ngắn gọn hơn, đảm bảo nguyên tắc SMART và phản ánh sát hơn nhu cầu của các bên liên quan, của thị | Đã tổ chức rà soát mục tiêu của CTĐT trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2023. Đã xây dựng quy định về đo lường đánh giá CĐR học phần, hiện đang phối hợp xây dựng | Tiếp tục thực hiện rà soát trong năm 2026. Hoàn thiện phần mềm để | Khoa, phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí <i>(trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i> | Kết quả KĐCLGD <i>(Đạt/Chưa đạt; mức)</i> | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i> | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện <i>(bắt đầu và hoàn thành)</i> | Ghi chú |
|---|---|--|---|--|---------------------------------|--|----------------|
| biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. | | trường lao động và các ngành kinh tế mũi nhọn; làm rõ hơn định hướng phát triển của ngành đào tạo kỹ thuật. | phần mềm để tổ chức thực hiện. MCGK.01 MCGK.02 | tổ chức đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra theo đúng quy định | | | |
| Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai | Đạt, 4; | Diễn đạt lại chuẩn đầu ra của CTĐT súc tích, ngắn gọn hơn, đảm bảo nguyên tắc SMART và phản ánh sát hơn nhu cầu của các bên liên quan, của thị trường lao động và các ngành kinh tế mũi nhọn; làm rõ hơn định hướng phát triển của ngành đào tạo kỹ thuật. | Đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan và Đã thực hiện đánh giá mức độ tương thích giữa CDR với quy định 1982 của Bộ GD&ĐT trong quá trình hiệu chỉnh CTĐT. Đã cập nhật trên trang thông tin điện tử của Khoa MCGK.01 MCGK.03 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |
| Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT | | | | | | | |
| Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật | Đạt, 4; | Tiếp tục rà soát và hoàn thiện bản mô tả CTĐT, ma trận đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; xác định cụ thể các điều kiện tiên quyết thực hiện học phần, mục tiêu, chuẩn đầu ra, sự kết nối giữa mục tiêu học phần và các phương pháp | Đã thực hiện trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2023 MCGK.04 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|--|--|--|--------------------------------|---|------------|
| | | dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp đảm bảo đạt được yêu cầu của chuẩn đầu ra; cập nhật tài liệu học tập trong các đề cương học phần; lưu ý tăng cường các yêu cầu về chuẩn kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành, CNTT, tư duy thiết kế và lập trình, cập nhật công nghệ mới và văn hóa an toàn trong lao động; | | | | | |
| Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. | Đạt, 4; | Bổ sung và cập nhật hiệu chỉnh nội dung một số học phần và bổ sung thêm một số học phần mới và bỏ đi một số học phần. | Đã thực hiện trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2023 MCGK.04 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận | Đạt, 4; | Cập nhật trên trang thông tin điện tử của khoa: CTĐT, CĐR, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. | Đã cập nhật trên trang thông tin điện tử của Khoa MCGK.03 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|---|--|--|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. | | | | | | | |
| Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR | Đạt, 4; | Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, ý kiến của các bên liên quan để định kỳ rà soát, cập nhật chương trình dạy học nhằm đảm bảo mỗi học phần đều có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 17/2021/NĐ-CP của Bộ Giáo dục và Đào tạo; | Đã thực hiện trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2023 MCGK.04 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng | Đạt, 4; | Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, ý kiến của các bên liên quan để định kỳ rà soát, cập nhật chương trình dạy học nhằm đảm bảo mỗi học phần đều có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 17/2021/NĐ-CP của Bộ Giáo dục và Đào tạo; | Đã thực hiện trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2023 MCGK.04 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|--|--|--|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp | Chưa đạt, 3; | Tăng cường các khối kiến thức có tính tích hợp, khơi dậy kỹ năng khởi nghiệp, khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số song song với thời lượng thực hành, thực tập phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng chuyên ngành; rà soát, cấu trúc lại chương trình dạy học nhằm tạo sự thống nhất hữu cơ, cả về nội dung và trình tự thực hiện các học phần. | Đã thực hiện trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2023 MCGK.04 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |
| Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học | | | | | | | |
| Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. | Đạt, 4; | | Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan qua các hoạt động như Xây dựng chiến lược phát triển Trường, Lấy ý kiến phát triển chương trình đào tạo... MCGK.05 | Tiếp tục rà soát thực hiện theo đúng yêu cầu của tiêu chí | TCHC | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KDCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|--|--|--|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR | Đạt, 4; | Tích cực đổi mới các hoạt động dạy-học theo hướng phát triển năng lực, đổi mới sáng tạo; chú trọng lồng ghép phát triển kỹ năng phân tích chuyên môn, kỹ năng mềm, đạo đức và trách nhiệm đối với ngành nghề cho sinh viên; có các giải pháp nâng cao năng lực và công cụ dạy học phát triển hệ thống dạy học online tiến tới e-learning; nghiên cứu tăng tỷ lệ thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế, thực hành khởi nghiệp, hoạt động thực tập tại các cơ sở, doanh nghiệp trong lĩnh vực điện tử viễn thông; | Nhà trường đã triển khai hệ thống Elearning, tổ chức xây dựng bài giảng các học phần online. Tăng cường các học phần thực tập tại doanh nghiệp.. MCGK.06 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học | Đạt, 4; | Cung cấp, rèn luyện và phát triển cho sinh viên các kỹ năng và phẩm chất cần thiết để sinh viên có thể thực hiện việc học tập suốt đời. | Tăng cường các hoạt động hỗ trợ sinh viên qua việc thành lập và phát triển trung tâm hỗ trợ sinh viên, trung tâm ngoại ngữ MCGK07. | | | | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|---|---|--|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học | | | | | | | |
| Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR | Đạt, 4; | Có kế hoạch tổng thể phát triển công cụ để đo lường mức độ đạt được của chuẩn đầu ra của CTĐT; | Đã xây dựng quy định về đo lường đánh giá CĐR học phần, hiện đang phối hợp xây dựng phần mềm để tổ chức thực hiện. Đã xây dựng ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra đánh giá trong quá trình hiệu chỉnh CTĐT năm 2023 MCGK.01 MCGK.02 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí trong đợt hiệu chỉnh CTĐT năm 2026 | Khoa Khoa, phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. | Đạt, 4; | Đa dạng các hình thức đánh giá, nhất là tăng cường hình thức đánh giá tiểu luận, bài tập lớn, hay thực hành thay thế; thiết kế phương pháp và công cụ đánh giá khoa học để tăng cường độ tin cậy, độ giá trị và sự công bằng; kiểm soát chặt chẽ hơn các khâu làm đáp án đề thi, chấm thi bám sát thang điểm, thường xuyên phân tích kết quả học tập | Đã thực hiện trong quá trình hiệu chỉnh CTĐT năm 2023 Ban hành quy định sửa đổi về tổ chức thi hết học phần sát thực tế Ban hành quy chế về xây dựng, quản lý sử dụng ngân hàng câu hỏi thi và đề thi, với các ưu cầu về đánh giá câu hỏi rất cụ thể. MCGK.08 MCGK.09 MCGK.01 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa Khoa, phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|--|---|---|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. | Chưa đạt, 3; | Nghiên cứu phát triển bộ công cụ trực tuyến để hỗ trợ người học phản hồi kịp thời. | Ban hành quy định sửa đổi về tổ chức thi hết học phần sát thực tế Ban hành quy chế về xây dựng, quản lý sử dụng ngân hàng câu hỏi thi và đề thi, với các ưu cầu về đánh giá câu hỏi rất cụ thể. MCGK.09 MCGK.01 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa Khoa, phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. | Đạt, 4; | Nghiên cứu phát triển bộ công cụ trực tuyến để hỗ trợ người học phản hồi kịp thời. | Nhà trường đã hoàn thiện hệ thống tổ chức thi bằng phần mềm trên hệ thống ASC, giúp phản hồi kịp thời và chuyển đổi số để cung cấp thông tin nhanh và chính xác cho người học MCGK.06 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa Khoa, phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. | Đạt, 4; | | Nhà trường đã hoàn thiện hệ thống tổ chức thi bằng phần mềm trên hệ thống ASC, giúp phản hồi kịp thời và chuyển đổi số để cung cấp thông tin nhanh và chính xác cho người học trong đó có chức năng phúc khảo với quy trình rõ ràng. MCGK.06 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa Khoa, phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |
| Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu | | | | | | | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|--|---|---|--------------------------------|---|------------|
| viên | | | | | | | |
| Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng | Đạt, 5; | Rà soát, cập nhật kế hoạch chiến lược, Đề án vị trí việc làm, các tiêu chí tuyển dụng ... làm căn cứ quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ giảng viên; | Nhà trường đã rà soát và ban hành đề án vị trí việc làm MCGK.11 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. | Chưa đạt, 3; | Có chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao; phân công hợp lý và giám sát khối lượng công việc giảng viên để tránh quá tải trong giảng dạy; | Nhà trường tổ chức giám sát tỷ lệ thông qua hệ thống phần mềm Hemmis của Bộ GDĐT làm căn cứ để tuyển dụng phù hợp với tuyển sinh, kết quả tỷ lệ này luôn đáp ứng yêu cầu theo đúng quy định. Nhà trường ban hành Nghị quyết phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 và các năm khác và phương hướng tuyển dụng nhân sự có trình độ | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|---|--|---|--------------------------------|---|------------|
| Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai | Đạt, 4; | | cao của Trường ĐHDL MCGK.12 Quy trình thực hiện công khai và ban hành quy chế về bổ nhiệm, tuyển dụng MCGK.13 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá. | Đạt, 4; | xây dựng bộ chỉ số đánh giá (KPIs) dựa trên kết quả, hiệu quả thực hiện công việc; | Nhà trường triển khai hệ thống quản trị tập trung để đánh giá chất lượng công việc, hiện đang xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá MCGK.06 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu | Đạt, 4; | | Hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo để xác định nhu cầu. MCGK.14 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|--|---|---|--------------------------------|---|------------|
| câu đó. | | | | | | | |
| Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. | Đạt, 4; | sớm hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và triển khai hợp tác NCKH với địa phương, doanh nghiệp để gia tăng các công bố quốc tế, nguồn lực, chuyển giao và thương mại hóa, thương hiệu và uy tín cho | Nhà trường triển khai hệ thống quản trị tập trung để đánh giá chất lượng công việc, hiện đang xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá MCGK.06 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng | Đạt, 5; | | Hàng năm Nhà trường đều thực hiện việc Tổng kết hoạt động khoa học công nghệ. Căn cứ vào đây thực hiện tổng kết, đánh giá và giao nhiệm vụ cho năm tiếp theo đến các đơn vị MCGK.15 MCGK.16 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên | | | | | | | |
| Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống | Đạt, 4; | Phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ trên cơ sở quy hoạch CTĐT và các hoạt động để tiếp tục hoàn chỉnh | Nhà trường đã rà soát và ban hành đề án vị trí việc làm MCGK.11 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|---|--|---|--------------------------------|---|------------|
| CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. | | chiến lược phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn hướng đến thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Trường đến năm 2030; | | | | | |
| Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm điều chuyên được xác định và phổ biến công khai. | Đạt, 4; | cập nhật quy chế tuyển dụng; quy định cụ thể về năng lực cho từng vị trí việc làm theo nhóm nhiệm vụ để đánh giá và nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên; | Nhà trường đã ban hành quy chế tuyển dụng, đồng thời các tiêu chí luôn được công khai trên hệ thống. MCGK.13 MCGK.16 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá | Đạt, 4; | quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo kết quả đầu ra và theo các chỉ số thực hiện chính (KPIs) trong đó có các tiêu chí đánh giá phù hợp về kết nội phục vụ cộng đồng. | Nhà trường triển khai hệ thống quản trị tập trung để đánh giá chất lượng công việc, hiện đang xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá MCGK.06 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt | Đạt, 4; | | Hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo để xác định nhu cầu. MCGK.14 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí <i>(trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí)</i> | Kết quả KĐCLGD <i>(Đạt/Chưa đạt; mức)</i> | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả <i>(kèm theo mã minh chứng)</i> | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện <i>(bắt đầu và hoàn thành)</i> | Ghi chú |
|---|---|--|---|--|---------------------------------|--|----------------|
| động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. | | | | | | | |
| Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng | Chưa đạt, 3; | quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo kết quả đầu ra và theo các chỉ số thực hiện chính (KPIs) trong đó có các tiêu chí đánh giá phù hợp về kết nối phục vụ cộng đồng. | Nhà trường triển khai đánh giá viên chức người lao động theo hàng tháng. Hiệu chỉnh và ban hành quy chế thi đua khen thưởng và thực hiện đánh giá theo các bộ tiêu chí đã có MCGK.14 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng TCHC | 2023-2027 | |
| Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học | | | | | | | |
| Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật | Đạt, 4; | | Nhà trường luôn thực hiện xây dựng và công bố Đề án tuyển sinh sớm và đúng quy định. Công bố công khai trên hệ thống website Nhà trường, các diễn đàn, các nền tảng số và các phương tiện truyền thông khác MCGK.19 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QL Đào tạo | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và | Đạt, 4; | | Các tiêu chí được công bố trong Đề Án tuyển sinh hàng năm được xác định rõ ràng và đúng quy định. | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QL Đào tạo | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|---|--|---|-------------------------------------|---|------------|
| được đánh giá. | | | Các tiêu chí này được hội đồng tuyển sinh Nhà trường nghiên cứu, xây dựng và tổ chức ban hành căn cứ theo quy định và thực tế của Nhà trường MCGK.19 MCGK.20 | | | | |
| Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. | Đạt, 4; | Có giải pháp mang tính hệ thống để đảm bảo tỉ lệ nhập học/tuyển sinh và kịp thời hỗ trợ người học sớm tốt nghiệp và nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn; | Nhà trường có đơn vị chuyên trách là phòng CTSV kết hợp với phòng QLĐT thường xuyên tổ chức đánh giá kết quả của người học (xét cảnh báo) thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Qua đó cùng với các Khoa quản lý CTĐT có biện pháp thúc đẩy tỷ lệ người học tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn MCGK.21 MCGK.22 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QL Đào tạo | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của | Đạt, 4; | | Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người học qua các đơn vị như: CTSV, Đoàn thanh niên và trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp MCGK.23 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | TT TQĐ, CTSV, Đoàn Thanh Niên | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KDCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KDCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|--|---|---|--------------------------------|---|------------|
| người học. | | | | | | | |
| Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. | Đạt, 4; | Tăng cường môi trường cảnh quan và môi trường tâm lý cho người học, nhất là tại cơ sở Hà Nội bên cạnh các giải pháp đang được thực hiện để tăng tổng thể diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo; chú trọng đến công tác xây dựng khu học xá theo hướng thân thiện với môi trường | Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động đầu tư về cơ sở vật chất, cảnh quan ở tất cả các cơ sở của Nhà trường. Nhà trường cũng đã tiếp cận thêm cơ sở mới tại Láng Hòa Lạc và đang tổ chức tiếp nhận thêm cơ sở đào tạo tại Hà Nội MCGK.24 MCGK.25 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QTDV | 2023-2027 | |
| Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị | | | | | | | |
| Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. | Đạt, 4; | | Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động đầu tư về cơ sở vật chất, cảnh quan ở tất cả các cơ sở của Nhà trường. Nhà trường cũng đã tiếp cận thêm cơ sở mới tại Láng Hòa Lạc và đang tổ chức tiếp nhận thêm cơ sở đào tạo tại Hà Nội MCGK.24 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QTDV | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|---|---|---|--------------------------------|---|------------|
| | | | MCGK.25 | | | | |
| Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. | Chưa đạt, 3; | Tăng cường công tác biên soạn giáo trình; khẩn trương cập nhật, bổ sung đầy đủ tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu của CTĐT; đẩy mạnh số hóa học liệu, nâng cấp nguồn tài nguyên số và kết nối cơ sở dữ liệu với các trung tâm học liệu; rà soát các hoạt động của thư viện đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật thư viện và Nghị định 93/2020/NĐ-CP; | Trong năm vừa qua, Nhà trường đầu tư lớn cho hệ thống Thư viện: về nguồn nhân lực, về quy chế hoạt động, về đầu tư học liệu số và học liệu giấy MCGK.24 MCGK.25 MCGK.26 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Thư Viện | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu | Chưa đạt, 3; | Đầu tư và trang cấp phù hợp cho hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính và các phần mềm thực hành mô phỏng chuyên ngành; tích cực thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy để đáp ứng yêu | Nhà trường đã tổ các hoạt động đầu tư cho hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, phòng thực hành mô phỏng từ nguồn đầu tư của Nhà trường và nguồn tài trợ từ các tổ chức MCGK.26 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | TT THTN | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|--|--|---|--------------------------------|---|------------|
| | | câu của cách mạng công nghiệp 4.0. | | | | | |
| Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu | Đạt, 4; | | Nhà trường đã trang bị hệ thống mạng nội bộ, mạng không dây và đặc biệt là hệ thống quản trị tập trung hiện đại với đầy đủ các phân hệ như một trường ĐH trên không gian mạng. MCGK.27 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | TT CNTT | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật | Đạt, 4; | | Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động đầu tư về cơ sở vật chất, cảnh quan ở tất cả các cơ sở của Nhà trường. Nhà trường cũng đã tiếp cận thêm cơ sở mới tại Láng Hòa lạc và đang tổ chức tiếp nhận thêm cơ sở đào tạo tại Hà Nội MCGK.24 MCGK.25 | | | | |
| Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng | | | | | | | |
| Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. | Đạt, 4; | Tăng cường khảo sát, thu thập đầy đủ nhu cầu của các BLQ, tham chiếu các căn cứ pháp lý và các định hướng kỹ năng cần thiết cho tương lai để rà soát, cập nhật chuẩn đầu | Thực hiện khảo sát, thu thập đầy đủ nhu cầu của các BLQ, tham chiếu các căn cứ pháp lý quốc gia và các định hướng kỹ năng cần thiết cho tương lai để rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình dạy học trong quá | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa, QL Đào tạo | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|--|---|---|--|---|------------|
| | | ra và chương trình dạy học; | trình cải tiến CTĐT MCGK.01 | | | | |
| Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến | Chưa đạt, 3; | có quy định, hướng dẫn và tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên trong phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra, thiết kế các phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra | Nhà trường đã tổ chức ban hành quy định về phát triển chương trình đào tạo và có đơn vị đầu mối tổ chức và giám sát quá trình thực hiện đúng quy định. Nhà trường cũng đã tổ chức các khóa tập huấn về phát triển chương trình đào tạo MCGK.29 MCGK.30 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa, QL Đào tạo | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR | Đạt, 4; | | Nhà trường sử dụng hệ thống CNTT quản trị tập trung để quản trị hoạt động dạy và học đồng thời nâng cao việc giám sát qua đội ngũ trực giảng, đội ngũ thanh tra giáo dục và thanh tra hoạt động thi (thành lập ban coi thi đối với các kỳ thi kết thúc học kỳ). Kết thúc học kỳ Nhà trường tổ chức tổng kết hoạt động thi để đánh giá kết quả học tập và chất lượng thi kiểm tra đánh giá | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa, QL Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|--|---|--|---|---|--------------------------------|---|------------|
| | | | MCGK.31 MCGK.32 | | | | |
| Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. | Đạt, 4; | có chính sách và giải pháp cụ thể, có tính hệ thống và đồng bộ để thúc đẩy các chương trình, đề tài nghiên cứu theo hướng tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao để ứng dụng vào cải tiến việc dạy và học; | Nhà trường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu cấp trường, trong đó chú trọng các đề tài có sản phẩm có thể ứng dụng vào việc dạy và học MCGK.33 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa, Phòng QLKH&HT | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến. | Đạt, 4; | | Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát người học, người dùng về thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác làm căn cứ để cải tiến chất lượng MCGK.34 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng KT&ĐBCL, Thư Viện | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến | Đạt, 4; | Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để tạo tiền đề xây dựng văn hóa chất lượng, trước hết phục vụ cho việc cải | Nhà trường xây dựng quy định và bộ câu hỏi để thu thập ý kiến các BLQ một cách phù hợp (có sửa đổi định kỳ), ứng dụng CNTT. | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng KT&ĐBCL | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|---|--|---|-----------------------------------|---|------------|
| | | tiên chất lượng CTĐT. | MCGK.35 MCGK.36 | | | | |
| Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra | | | | | | | |
| Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thời học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. | Chưa đạt, 3; | | Nhà trường tổ chức giám sát các tỷ lệ này thông qua hệ thống phần mềm tập trung, định kỳ tổ chức các hoạt động cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp và có các biện pháp để thúc đẩy tỷ lệ này MCGK.37 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QL ĐT | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng | Đạt, 4; | | Nhà trường tổ chức giám sát các tỷ lệ này thông qua hệ thống phần mềm tập trung, định kỳ tổ chức các hoạt động cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp và có các biện pháp để thúc đẩy tỷ lệ này MCGK.37 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QL ĐT | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau TN được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng | Đạt, 4; | quan tâm kiến tạo nhiều hoạt động thúc đẩy khởi ngiệp, nâng cao các kỹ năng cần thiết cho thời kỳ công nghiệp có nhiều biến động; xây dựng các | Nhà trường thực hiện khảo sát tình trạng việc làm hàng năm, báo cáo tổng kết đánh giá và thực hiện các hoạt động để cải tiến chất lượng MCGK.38 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa, Phòng KT&ĐBCL, TT TQD | 2023-2027 | |

| Tiêu chuẩn/ Tiêu chí (trình bày lần lượt theo các tiêu chuẩn và tiêu chí) | Kết quả KĐCLGD (Đạt/Chưa đạt; mức) | Nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN và Hội đồng KĐCLGD | Các hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện và kết quả (kèm theo mã minh chứng) | Nội dung cần cải tiến chất lượng trong nửa kỳ tiếp theo | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành) | Ghi chú |
|---|---|---|--|---|--------------------------------|---|------------|
| | | không gian sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp; | | | | | |
| Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. | Chưa đạt, 3; | Khẩn trương ban hành quy định về quản lý và tổ chức nghiên cứu khoa học sinh viên, trích quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP và tổ chức hiệu quả các hoạt động này; có chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và gắn với nghiên cứu khoa học sinh viên đồng thời với bồi dưỡng nguồn cán bộ giảng viên; | Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định liên quan đến hoạt động KHCN. Có các hoạt động thúc đẩy phong trào NCSV. Tổ chức các hoạt động NCKH sinh viên bài bản từ cấp Khoa đến cấp Trường MCGK.39 MCGK.40 MCGK.41 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Phòng QLKH | 2023-2027 | |
| Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng | Đạt, 4; | xem xét các yêu cầu của nhà sử dụng lao động về kỹ năng ngoại ngữ, CNTT và các kỹ năng mềm để điều chỉnh CTĐT; có các giải pháp phù hợp để cải thiện năng lực học tập suốt đời cho người học. | Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan hàng năm, báo cáo tổng kết đánh giá và thực hiện các hoạt động để cải tiến chất lượng MCGK.34 | Tiếp tục rà soát theo đúng yêu cầu của tiêu chí | Khoa, Phòng KT&ĐBCL, TT TQD | 2023-2027 | |

DANH MỤC MINH CHỨNG BÁO CÁO GIỮA KỲ CTĐT NGÀNH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

| Mã minh chứng | Tên minh chứng | Số ngày tháng ban hành | Nơi ban hành |
|----------------------|---|-------------------------------|-----------------------------|
| MCGK.01 | Kế hoạch về việc rà soát, đánh giá cập nhật CTĐT | 1652/KH-ĐHĐL-ĐT 20/12/2021 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.02 | Quy định đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra các CTĐT | 754/QĐ-ĐHĐL 04/4/2025 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.03 | https://fet.epu.edu.vn/ | | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.04 | Bản mô tả chương trình đào tạo | | |
| MCGK.05 | Chiến lược phát triển Trường Đại học Điện lực giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn 2040 | 112/NQ-HĐT 28/3/2025 | Hội đồng trường |
| MCGK.06 | Phần mềm hỗ trợ đào tạo và học trực tuyến ASC | | Hình ảnh giao diện phần mềm |
| MCGK.07 | QĐ ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp | 1174/QĐ-ĐHĐL 3/8/2022 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.08 | Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần | 1982/QĐ-ĐHĐL 14/11/2024 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.09 | Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi | 1441/QĐ-ĐHĐL 13/9/2024 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.10 | https://www.facebook.com/share/1CZqson2Sv/?mibextid=wwXifr | | |
| MCGK.11 | Nghị quyết phê duyệt KH tuyển dụng viên chức năm 2023 và phương hướng tuyển dụng nhân sự có trình độ cao của Trường ĐHĐL | 11/NQ-HĐT 14/6/2023 | Hội đồng trường |
| MCGK.12 | Triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2024-2028 | 855/ĐHĐL-TCCB 20/5/2024 | Hội đồng trường |
| MCGK.13 | Nghị quyết Ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động của Trường ĐHĐL | 88/NQ-HĐT 2/12/2024 | Hội đồng trường |
| MCGK.14 | Các thông báo đăng ký nhu cầu tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng hàng năm | | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.15 | Thông báo vv tham dự Hội nghị "Tổng kết công tác Đào tạo, KHCN, Hợp tác quốc tế và Hợp tác doanh nghiệp năm 2024; Phương hướng hoạt động năm 2025" | 155/TB-ĐHĐL 12/2/2025 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.16 | Các báo cáo tổng kết hoạt động KHCN hàng năm | | Phòng QLKH&HTQT |
| MCGK.17 | https://epu.edu.vn/chi-tiet-tin/thong-bao-tuyen-dung-vien-chuc-nam-2025-15681.html | | |

| | | | |
|---------|--|----------------------------|--------------------|
| MCGK.18 | QĐ về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng | 1030/QĐ-ĐHĐL 3/7/2024 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.19 | https://tuyensinh.epu.edu.vn/ | | |
| MCGK.20 | Biên bản họp hội đồng tuyển sinh | | |
| MCGK.21 | Giao diện phần mềm chuẩn cơ sở giáo dục, đánh giá tiêu chí người học tốt nghiệp | | |
| MCGK.22 | Các biên bản họp xét cảnh báo học vụ | | |
| MCGK.23 | Hình ảnh các hoạt động của sinh viên https://www.facebook.com/share/1CKqLJCau7/?mibextid=wwXifr | | |
| MCGK.24 | Các kế hoạch đầu tư và xây dựng, mua sắm hàng năm | | |
| MCGK.25 | Các kế hoạch tiếp nhận cơ sở 3, cơ sở 4 | | |
| MCGK.24 | Quy chế hoạt động của Thư viện, cơ cấu tổ chức của Thư viện | | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.25 | Các kế hoạch và kết quả tổ chức thực hiện mua sắm hàng năm của Thư viện | | Thư viện |
| MCGK.26 | Danh mục thông kê tài liệu và các nguồn học liệu số | | Thư viện |
| MCGK.27 | Danh mục các phòng thí nghiệm theo các năm 2022,2023,2024 | | TT THTN |
| MCGK.28 | Danh mục hệ thống CNTT theo các năm 2022,2023,2024 | | TT CNTT |
| MCGK.29 | Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra | 945/QĐ-ĐHĐL 04/07/2022 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.30 | Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ ĐH | 638/QĐ-ĐHĐL 24/05/2022 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.31 | Các quyết định thành lập ban coi thi hết học phần, ban thanh tra đào tạo, ... | | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.32 | Các báo cáo tổng kết hoạt động thi | | Phòng KT&ĐBCL |
| MCGK.33 | Danh sách đề tài cấp trường hàng năm | | Phòng QLKH&HTQT |
| MCGK.34 | Các báo cáo tổng kết khảo sát ý kiến các bên liên quan | | |
| MCGK.35 | Quy định công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Điện lực | 1458/QĐ-ĐHĐL 06/09/2022 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.36 | Quyết định Vv thay thế các "Biểu câu hỏi khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan" của Quy định công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường Đại học Điện lực. | 1768/QĐ-ĐHĐL 30/10/2023 | Trường ĐH Điện lực |
| MCGK.37 | Các dữ liệu và biên bản xét cảnh báo học vụ và xét tốt nghiệp | | QLĐT |
| MCGK.38 | Báo cáo tổng kết hoạt động khảo sát việc làm hàng năm | | KT&ĐBCL |
| MCGK.39 | Các quy định về hoạt động KHCN và HTQT | | QLKH |
| MCGK.40 | Các thông báo về tổ chức hoạt động KHCN sinh viên | | QLKH |
| MCGK.41 | Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN sinh viên 2022,2023,2024 | | QLKH |